



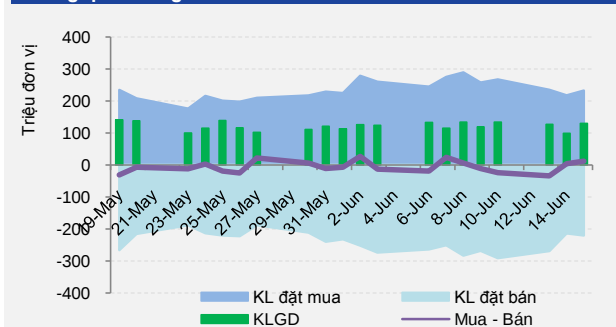
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 15/6/2016

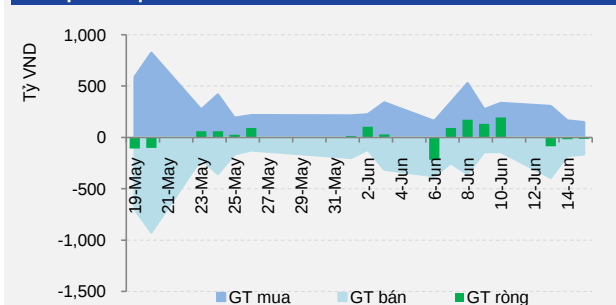
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	627.02	84.34
% Thay đổi	↑ 0.25%	↓ -0.01%
KLGD (CP)	130,305,745	49,112,673
GTGD (tỷ đồng)	1,998.62	596.95
Tổng cung (CP)	220,623,200	79,030,400
Tổng cầu (CP)	232,221,780	77,610,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,748,150	1,153,400
KL mua (CP)	5,123,690	668,200
GTmua (tỷ đồng)	148.60	14.85
GT bán (tỷ đồng)	164.14	12.68
GT ròng (tỷ đồng)	(15.54)	2.18

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.51%	10.5	1.8	1.7%
Công nghiệp	↑ 0.15%	12.5	1.9	21.7%
Dầu khí	↑ 1.18%	7.5	0.8	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.04%	15.6	4.0	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.59%	23.2	2.4	1.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.28%	13.7	4.9	21.6%
Ngân hàng	↓ -1.38%	14.6	1.8	3.0%
Nguyên vật liệu	↑ 0.29%	11.0	1.4	19.5%
Tài chính	↓ -2.17%	18.8	2.6	21.7%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.03%	13.9	2.4	2.7%
VN - Index	↑ 0.25%	14.1	2.9	78.0%
HNX - Index	↓ -0.01%	10.6	1.4	22.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Áp lực điều chỉnh tiếp tục diễn ra trong phần lớn thời gian giao dịch buổi sáng, tuy nhiên với động lực tăng giá khá mạnh đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ đã giúp cho chỉ số tăng điểm trở lại, qua đó chốt phiên tăng 1,59 điểm (0,25%). Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục có sự phân hóa, trong đó đa số đều rơi vào trạng thái điều chỉnh giảm, chỉ 1 số giữ được mốc tham chiếu như VIC, VNM, PVD hay sắc xanh nhẹ như HPG, GAS. Độ rộng thị trường cân bằng với 109 mã tăng và 103 mã điều chỉnh giảm. Theo quan điểm của chúng tôi, chỉ số có thể sẽ tiếp tục duy trì được xu hướng tăng hiện tại, tuy nhiên đà tăng mạnh khó xảy ra khi chưa xuất hiện trở lại 1 nhóm cổ phiếu lớn trong vai trò dẫn dắt. Bên cạnh đó, thị trường cũng sẽ chịu ảnh hưởng nhất định từ một số thông tin liên quan đến tình hình thế giới bao gồm: khả năng và lộ trình tăng lãi suất của FED, quyết định rời đi hay tiếp tục ở lại EU của Anh.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư tiếp tục duy trì tỷ trọng đối với những mã đã có sẵn trong danh mục và tránh giải ngân thêm khi thị trường đang ở gần vùng đỉnh cũ. Việc giải ngân tìm kiếm lợi nhuận chỉ nên thực hiện tại 1 số mã có kết quả kinh doanh tích cực trong quý 1 và quý 2 sắp tới hoặc các mã có thông tin hỗ trợ đặc biệt.

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index chìm trong sắc đỏ hầu như suốt phiên giao dịch, tuy nhiên bật tăng vào cuối phiên nhờ sự hồi phục của một số mã vốn hóa lớn. Chốt phiên VN-Index tăng 1,59 điểm, lên 627,02 điểm. Khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước, đạt gần 104 triệu đơn vị. Tổng giá trị giao dịch đạt gần 2.000 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn hồi phục cuối phiên: GAS (+1.500), PVD, BID, CTG, VNM trở lại mốc tham chiếu.

Nhóm cổ phiếu ngành thép đã có sự phân hóa: HSG (-300), HPG (+100).

Nhóm cổ phiếu trong rổ VN-30 giao dịch khá tiêu cực với 7 mã tăng, 12 mã đứng giá và 11 mã giảm: VCB (-500), MSN (-500), KBC (+200), VIC, BVH đứng giá.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

15/6/2016

HNX-Index:

Giao dịch trên HNX cũng tích cực hơn về cuối phiên, tạm đóng cửa sát mốc tham chiếu. Chốt phiên, chỉ số này giảm 0,01 điểm, lên 84,3 điểm. Khối lượng khớp lệnh tương đương phiên trước, đạt hơn 44 triệu đơn vị.

Nhóm cổ phiếu dầu khí có sự phân hóa: PVC (+100), PVG (+200), PGS (-200), PVS (-100).

Nhóm cổ phiếu trong rổ HNX-30 giao dịch khá tích cực với 11 mã tăng, 9 mã giảm và 10 mã đứng giá: NTP (+1.300), AAA (-500), ACB, SHB đứng giá.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HSX, khối ngoại bán ròng 15,5 tỷ đồng. GTN dẫn đầu về khối lượng mua ròng, đạt hơn 887 nghìn đơn vị. Đứng thứ 2 là VCB với khối lượng mua ròng hơn 274 nghìn đơn vị. Chiều ngược lại, HBC bị bán ròng mạnh nhất, khối lượng đạt hơn 614 nghìn đơn vị.

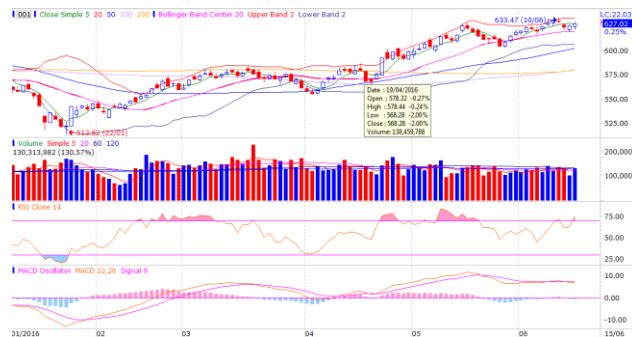
Trên HNX, khối ngoại mua ròng chỉ hơn 2 tỷ đồng. PVS dẫn đầu về khối lượng mua ròng với 237 nghìn đơn vị. Chiều ngược lại, SHB bị bán ròng 525 nghìn đơn vị.

TIN TỨC NỘI BẬT TRONG NGÀY

5 tháng xuất siêu 1,6 tỷ USD. Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 tháng đầu năm đạt trên 67,4 tỷ USD. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 65,8 tỷ USD. Như vậy, cán cân thương mại của Việt Nam sau 5 tháng thặng dư 1,638 tỷ USD.

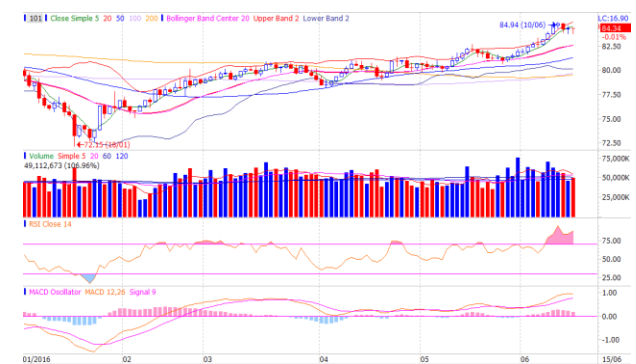
PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



Chỉ số hình thành cây nến xanh rồng thứ 2 liên tiếp. Thanh khoản tăng khá mạnh so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu tăng lên đáng kể, sự chủ động đã xuất hiện trở lại. RSI quay lại cất lên trên đường 70. Vùng hỗ trợ 620 điểm. Vùng kháng cự 630 điểm.

HNX-Index:



Chỉ số hình thành cây nến doji dragonfly ngay sau cây nến doji ngày hôm qua, cho thấy áp lực bán tiếp tục xảy ra mạnh tại vùng 84 điểm, tuy nhiên lực cầu khá tốt cũng gần như ngay lập tức gia nhập. RSI đang nằm trong vùng quá bán, rủi ro có thể xuất hiện trở lại. Vùng hỗ trợ 83,5 điểm. Vùng kháng cự 85 điểm.

**TIN TRONG NƯỚC****Giá vàng trong nước tăng**

Sáng nay, giá vàng SJC tại Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn sáng nay niêm yết ở mức 34,10-34,20 triệu đồng/lượng mua vào và bán ra, tăng 80 nghìn đồng/lượng so với giá đóng cửa phiên trước

Tỷ giá trung tâm tăng

Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD áp dụng cho ngày 15/06 là 21,887 VNĐ/USD, tăng 10 đồng/USD so với ngày 14/06.

5 tháng xuất siêu 1,6 tỷ USD

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 tháng đầu năm đạt trên 67,4 tỷ USD. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 65,8 tỷ USD. Như vậy, cán cân thương mại của Việt Nam sau 5 tháng thặng dư 1,638 tỷ USD

TIN QUỐC TẾ**Chứng khoán Mỹ tiếp tục giảm**

Chốt phiên, chỉ số Dow Jones giảm 0,33% xuống 17.674,82 điểm, chỉ số S&P 500 mất 0,18% xuống 2.075,32 điểm và chỉ số Nasdaq Composite giảm 0,1% xuống 4.843,55 điểm.

Yên lên cao nhất 6 tuần so với USD

Chốt phiên, USD giảm 0,1% so với yên xuống 106,15 JPY/USD trong khi bảng Anh giảm 1,2% so với yên xuống 149,77 JPY/GBP.

Giá dầu xuống thấp nhất 3 tuần

Theo đó, giá dầu WTI giảm 39 cent, tương đương 0,8%, xuống 48,49 USD/thùng. Giá dầu Brent giảm 52 cent, tương ứng 1%, xuống 49,83 USD/thùng.

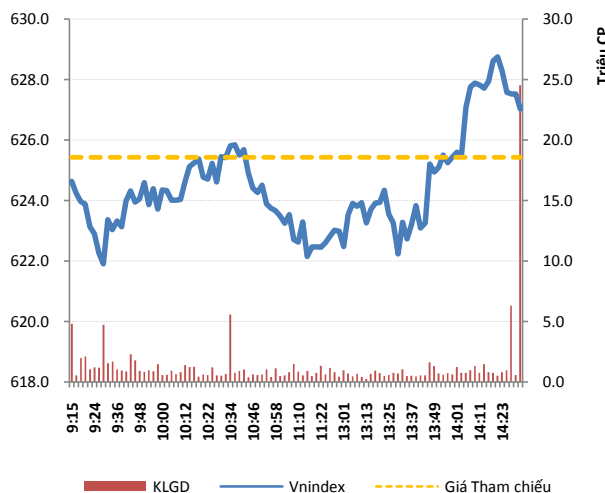
Giá vàng lập đỉnh 4 tuần

Theo đó, giá vàng giao tháng 8/2016 trên sàn Comex tăng 0,1% lên 1.288,1 USD/ounce. Cũng trong ngày, giá vàng giao ngay tăng 0,1% lên 1.285 USD/ounce.

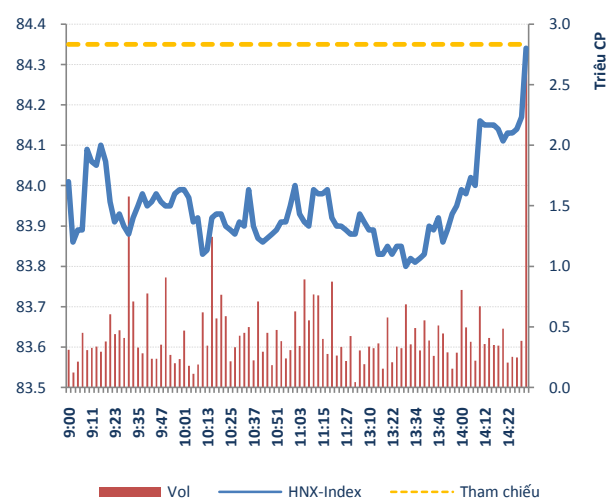


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

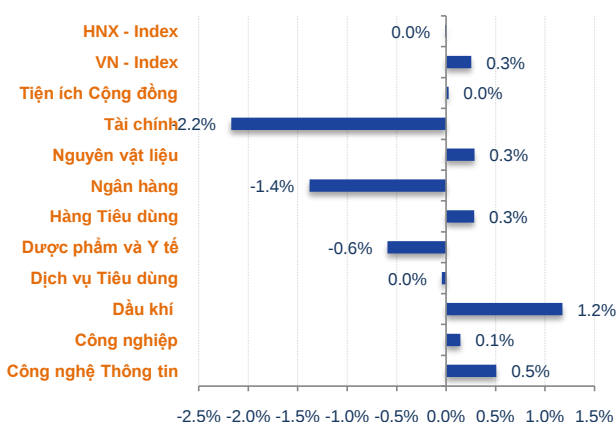
KLGD và VN-Index trong phiên



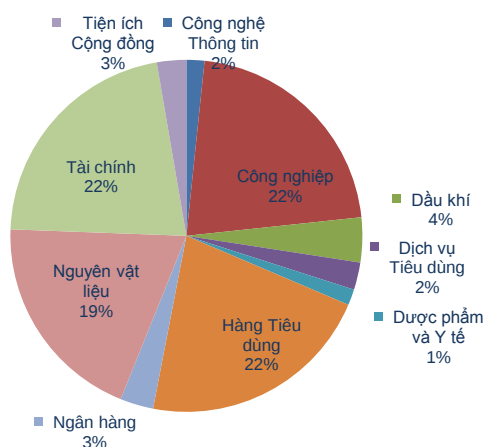
KLGD và HNX-Index trong phiên



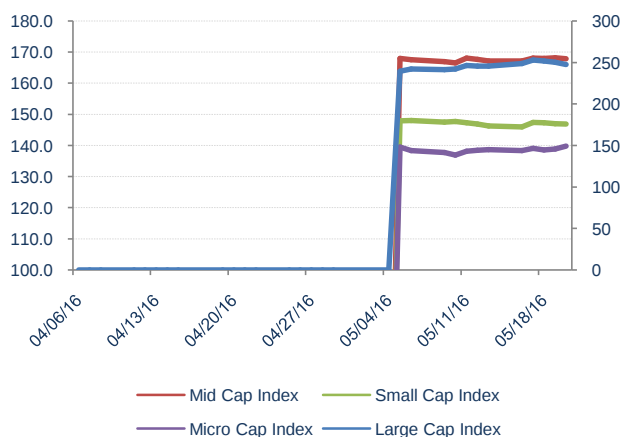
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



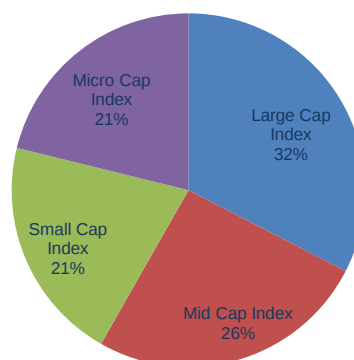
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GTN	887,500	HAG	741,910
2	PVT	395,440	HBC	614,020
3	VCB	274,880	HSG	337,200
4	GAS	265,930	SSI	314,610
5	CTG	210,730	VNS	218,960

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	237,800	SHB	525,400
2	INN	40,300	VGS	93,800
3	CTS	37,000	BCC	75,000
4	PLC	23,300	VNR	67,200
5	PTI	15,900	VND	53,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
HNG	8.6	8.6	⇒	0.00%	17,009,150
ITA	4.4	4.7	↑	6.82%	14,832,520
BCG	6.3	6.1	↓	-3.17%	4,768,170
FLC	6.5	6.4	↓	-1.54%	4,609,300
HQC	5.2	5.3	↑	1.92%	4,240,360

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
CEO	10.8	10.8	⇒	0.00%	4,391,900
SCR	9.7	9.7	⇒	0.00%	3,841,898
DCS	5.1	5.2	↑	1.96%	2,160,050
PVS	19.0	18.9	↓	-0.53%	1,909,608
TIG	7.5	7.5	⇒	0.00%	1,860,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNH	1.1	1.2	0.1	↑ 9.09%
BTT	31.6	33.8	2.2	↑ 6.96%
SVC	38.0	40.6	2.6	↑ 6.84%
ITD	29.3	31.3	2.0	↑ 6.83%
ITA	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NFC	16.0	24.0	8.0	↑ 50.00%
TPH	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
CTA	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
DNC	25.3	27.8	2.5	↑ 9.88%
VXB	10.7	11.7	1.0	↑ 9.35%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	45.2	42.1	-3.1	↓ -6.86%
TIX	33.8	31.5	-2.3	↓ -6.80%
DTT	10.3	9.6	-0.7	↓ -6.80%
TAC	61.0	57.5	-3.5	↓ -5.74%
NAV	8.8	8.3	-0.5	↓ -5.68%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DST	33.7	30.4	-3.3	↓ -9.79%
ARM	36.9	33.3	-3.6	↓ -9.76%
HKB	21.6	19.5	-2.1	↓ -9.72%
MBG	13.4	12.1	-1.3	↓ -9.70%
SDU	13.5	12.2	-1.3	↓ -9.63%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	17,009,150	8.4%	1,281	6.7	0.6
ITA	14,832,520	1.5%	164	28.6	0.4
BCG	4,768,170	9.4%	480	12.7	0.6
FLC	4,609,300	14.3%	1,677	3.8	0.6
HQC	4,240,360	21.0%	1,951	2.7	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	4,391,900	13.4%	1,824	5.9	0.9
SCR	3,841,898	6.2%	857	11.3	0.7
DCS	2,160,050	1.4%	143	36.3	0.5
PVS	1,909,608	12.5%	3,236	5.8	0.8
TIG	1,860,000	13.7%	1,715	4.4	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNH	↑ 9.1%	-19.8%	(872)	-	0.3
BTT	↑ 7.0%	13.1%	3,510	9.6	1.3
SVC	↑ 6.8%	10.2%	4,237	9.6	1.2
ITD	↑ 6.8%	18.1%	3,192	9.8	1.9
ITA	↑ 6.8%	1.5%	164	28.6	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NFC	↑ 50.0%	7.5%	948	25.3	1.2
TPH	↑ 10.0%	6.8%	818	9.4	0.6
CTA	↑ 10.0%	0.9%	73	45.2	0.4
DNC	↑ 9.9%	27.5%	3,465	8.0	2.2
VXB	↑ 9.3%	9.2%	1,424	8.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GTN	887,500	4.5%	566	37.8	1.9
PVT	395,440	8.9%	1,471	8.8	1.0
VCB	274,880	13.2%	2,258	21.2	2.7
GAS	265,930	16.9%	3,832	16.1	2.8
CTG	210,730	11.4%	1,711	10.2	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	237,800	12.5%	3,236	5.8	0.8
INN	40,300	24.9%	5,591	7.7	1.9
CTS	37,000	8.6%	1,011	6.9	0.6
PLC	23,300	24.8%	3,819	8.2	2.1
PTI	15,900	12.1%	2,423	9.9	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	164,419	39.7%	6,977	19.6	7.3
VCB	127,388	13.2%	2,258	21.2	2.7
GAS	117,671	16.9%	3,832	16.1	2.8
VIC	103,782	3.8%	723	74.0	4.0
CTG	64,787	11.4%	1,711	10.2	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	17,119	8.3%	1,183	16.2	1.3
PVS	8,443	12.5%	3,236	5.8	0.8
PHP	6,866	9.8%	1,274	16.5	1.8
SHB	5,973	7.9%	930	6.8	0.5
VCG	5,831	4.3%	706	18.7	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VHG	2.58	4.0%	499	9.6	0.4
PVD	2.54	9.3%	3,503	9.2	0.9
BID	2.53	15.4%	1,864	9.7	1.5
HVG	2.47	4.4%	547	19.2	0.9
PPI	2.32	7.5%	865	5.9	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	3.67	12.9%	2,736	5.7	0.7
PVC	3.41	5.8%	1,367	12.0	0.8
VFR	3.28	-4.7%	(893)	-	0.7
HHG	3.14	17.4%	1,798	5.2	0.8
PVB	3.05	13.7%	3,090	7.5	1.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiễn
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Xuân Bách
bach.tx@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi *StoxPlus Corporation*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
